

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI**  
**KHOA THÔNG TIN, THƯ VIỆN**



**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN TÀI NGUYÊN GIÁO DỤC MỞ CHO THƯ VIỆN  
TRƯỜNG HỌC – NGHIÊN CỨU TẠI THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
VĂN HÓA HÀ NỘI**

# <sup>1</sup>HÀ NỘI 2023

## DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

**OER:** Open Education Resources

**NQ/TW:** Nghị quyết trung ương

**CMCN 4.0:** Cách mạng công nghiệp 4.0

**UNESCO:** Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc

**CC:** Creative Commons

**GDP:** Gross Domestic Product

**QĐ-TTg:** Quyết định Thủ tướng Chính phủ

**NCKH:** Nghiên cứu khoa học

**Wikipedia:** Bách khoa toàn thư mở

**PERT:** Program Evaluation and Review Technique

**QĐ/VHTT:** Quyết định của Bộ Văn hóa – Thông tin

**AACR2:** Quy tắc biên mục Anh Mỹ - AACR2

**ICT:** Information Communication Technology

**RDA:** Resource Description and Access

**ES:** Early Start – thời gian bắt đầu sớm

**LS:** Late Start – thời gian bắt đầu muộn

**EF:** Early Finish – thời gian hoàn thành sớm

**LF:** Late Finish – thời gian hoàn thành muộn



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

## MỤC LỤC

CÁC MỤC	TRANG
Mở đầu .....	4
Nội dung .....	7
Chương 1. Cơ sở lý luận về OER .....	7
1.1 OER .....	7
1.2 Tổ chức hoạt động thông tin trong một tổ chức .....	14
1.3. Xây dựng kế hoạch, kế hoạch hành động .....	17
1.4. Kiểm soát hiệu quả kế hoạch thực hiện dự án với sơ đồ mạng PERT .....	19
Chương 2: OER tại Thư viện Trường Đại học Văn hóa Hà Nội ...	20
2.1 Thực trạng OER tại thư viện .....	20
2.2. Phân tích SWOT về phát triển OER cho thư viện .....	21
2.3. Kết luận về thực hiện phát triển OER cho thư viện .....	22
2.4. Kế hoạch hoạt động nhằm phát triển OER cho thư viện .....	23
Chương 3: Một số giải pháp phát triển OER cho thư viện Trường Đại học Văn hóa Hà Nội .....	27
3.1. Giải pháp định tính .....	27
3.2. Giải pháp định lượng .....	28



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

<b>Kết luận .....</b>	<b>33</b>
<b>Tài liệu tham khảo .....</b>	<b>34</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Sự phát triển lớn mạnh của thông tin ngày càng khẳng định được tầm quan trọng của nó đối với đời sống và phát triển kinh tế của các quốc gia. Cùng với đó sự phát triển của công nghệ 4.0 xoay quanh: nền tảng công nghệ số, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và Internet kết nối vạn vật đã tác động đến hầu hết các lĩnh vực, và giáo dục cũng không ngoại lệ. Nó đã làm thay đổi nhận thức về giáo dục thời đại mới, thay đổi phương pháp học tập, cách thức tiếp cận và sử dụng học liệu.

Giáo dục mở (Open Educational) đang là xu hướng phát triển tất yếu trong bối cảnh xã hội thông tin hiện nay. Trên thế giới, thuật ngữ này đã xuất hiện từ đầu thế kỷ XX và phát triển mạnh mẽ vào thập niên 70. Thời điểm đó nhiều nhà nghiên cứu cảm thấy sự hạn chế của giáo dục truyền thống, muốn thay đổi để mọi người dễ dàng tiếp cận tới các nguồn học liệu để phục vụ cho sự giảng dạy. Các trường đại học trên thế giới đã cùng tham gia, cung cấp và chia sẻ nguồn tài liệu học tập giúp những người không có điều kiện (tài chính, thời gian, không gian) có thể truy cập và sử dụng; tạo ra sự bình đẳng trong giáo dục đối với tất cả mọi người. Tính mở với những phương diện chủ yếu: mở về đối tượng, mở về địa điểm, mở về phương pháp và mở về ý tưởng; những phương diện mở này sẽ giúp cho nền giáo dục phát triển theo hướng đào tạo năng lực. OER - nguồn lực quan trọng góp phần lớn trong sự phát triển của giáo dục mở.



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

Theo nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương VIII khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã xác định quan điểm chỉ đạo: “Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo. Chuẩn hóa, hiện đại hóa giáo dục và đào tạo” cho thấy Việt Nam đang trong quá trình nhận thức và đổi mới giáo dục theo xu hướng hiện đại. Sự chủ động và lấy người học làm trung tâm là giải pháp hàng đầu thay đổi mô hình giáo dục từ theo cách truyền thống sang hiện đại. “Học tích cực, chủ động nghiên cứu mọi lúc mọi nơi” là phương pháp được nhiều trường đại học khuyến khích sinh viên học tập. Thuật ngữ OER vẫn còn mới, nhỏ lẻ bởi nguồn tài liệu hạn chế và quy mô tiếp cận sử dụng chưa được rộng rãi. Chính vì thế, các trường đại học trong nước cần tích cực chủ động trong việc phát triển và xây dựng kho tài nguyên chung, từ đó tạo nên sự đa dạng và phong phú góp phần thành lập OER Việt Nam (VietNam OER) của người Việt giành cho người Việt.

Trong bối cảnh chuyển đổi của nền giáo dục Việt Nam từ giáo dục truyền thống sang giáo dục mở đào tạo theo năng lực, tạo ra sự bình đẳng trong giáo dục đối với tất cả mọi người. Đặc biệt là trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay thì tài nguyên giáo dục mở trở thành một yếu tố quan trọng thúc đẩy quá trình chuyển đổi giáo dục Việt Nam sang nền giáo dục tiên tiến và hiện đại nhằm đào tạo ra những công dân số, trí thức số. Trường Đại học Văn hóa Hà Nội là một ngôi trường top đầu đào tạo về lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật trực thuộc Bộ Văn hóa-Thể Thao-Du lịch. Tuy nhiên thư viện của trường chưa xây dựng được nguồn tài nguyên giáo dục mở chất lượng để phục vụ cho nhu cầu của sinh viên, giảng viên trong trường dẫn đến chất lượng đào tạo của nhà trường trong thời kỳ mới gặp nhiều thách thức. Chính vì thế mà em xin đề xuất dự án “Phát triển tài nguyên giáo dục mở cho thư viện Trường đại học-Nghiên cứu tại thư viện Trường đại học văn hóa Hà Nội”.

## 2. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

Đối tượng nghiên cứu: Tài nguyên giáo dục mở

Phạm vi nghiên cứu: Thư viện Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

### 3. Mục đích nghiên cứu

Khẳng định tầm quan trọng của tài nguyên giáo dục mở trong bối cảnh chuyển đổi số Quốc gia, CMCN 4.0 và đổi mới mạnh mẽ của ngành giáo dục trong nước hiện nay. Từ đó đề xuất các giải pháp nhằm xây dựng và phát triển tài nguyên giáo dục mở cho thư viện Trường Đại học Văn hóa Hà Nội – hướng đến ứng dụng cho thư viện các Trường Đại học trên địa bàn Hà Nội.

### 4. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Làm rõ cơ sở lý luận về tài nguyên giáo dục mở và các khái niệm liên quan.
- Tìm hiểu thực trạng tài nguyên giáo dục mở tại Thư viện Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
- Đề xuất các giải pháp nhằm phát triển tài nguyên giáo dục mở tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn Hà Nội.

### 5. Ý nghĩa của đề tài

#### *Ý nghĩa lý luận:*

Đề tài giúp hoàn thiện hệ thống lý luận về tài nguyên giáo dục mở; khẳng định vai trò, tầm quan trọng của học liệu với tri thức thời đại mới và phương pháp học tập mới “Học tích cực, chủ động nghiên cứu mọi lúc mọi nơi”.

#### *Ý nghĩa thực tiễn:*

Đề xuất các giải pháp giúp phát triển tài nguyên giáo dục mở tại Thư viện Trường Đại học Văn hóa Hà Nội - ứng dụng cho Thư viện các Trường Đại học trên địa bàn Hà Nội.

### 6. Phương pháp nghiên cứu

Bài nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau:



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

- Phương pháp điều tra xã hội học bằng bảng hỏi
- Phương pháp phân tích, tổng hợp tài liệu
- Phương pháp phỏng vấn: Phỏng vấn cán bộ làm công tác giáo dục và người học
- Phỏng vấn sâu một số chuyên gia

## NỘI DUNG

### CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ OER

#### 1.1 OER

##### 1.1.1 Giáo dục mở

Giáo dục tiên tiến hay giáo dục mở có thể được hiểu một cách đơn giản là nền giáo dục lấy người học làm trung tâm. Giảng viên giờ đây không còn đóng vai trò quyết định nữa mà chuyển sang vai trò của một người hướng dẫn học viên. Học viên giờ đây hoàn toàn chủ động trong việc học tập theo những hướng dẫn của giảng viên. Trong nền giáo dục mở thì học viên cần phải chủ động nghiên cứu những vấn đề học tập và trao đổi những thắc mắc và vấn đề gặp phải trong quá trình nghiên cứu. Những cái kỹ năng mà người học viên cần phải rèn luyện trong mô hình giáo dục mở là kỹ năng tư duy phản biện hay còn gọi là tư duy độc lập, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng học tập suốt đời, ... Những kỹ năng này cùng với những kiến thức nghiên cứu của bản thân sẽ giúp học viên thích ứng được những biến đổi nhanh chóng của môi trường khi rời khỏi giảng đường.



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

Trong giáo dục mở thì cần có nhân lực giáo dục mở và nguyên liệu giáo dục mở. OER chính là nguyên liệu của giáo dục mở. Bởi sự nghiên cứu học tập của học viên, giảng viên cần phải dựa trên các học liệu, các kiến thức, thông tin về vấn đề nghiên cứu trước đó. Khoa học có tính kế thừa, hầu như tất cả những nghiên cứu từ đơn giản đến phức tạp thì đều dựa trên các thông tin có được trước đó. OER còn giúp cho học viên rèn luyện các kỹ năng học tập suốt đời, kỹ năng tư duy độc lập...

### 1.1.2 Khái niệm OER

Theo tổ chức UNESCO thì OER là các tài liệu giảng dạy, học tập và nghiên cứu trong khu vực công hoặc được phát hành với giấy phép sở hữu trí tuệ cho phép sử dụng, điều chỉnh và phát hành tự do. Đó là bất cứ tài liệu giáo dục nào được sử dụng và điều chỉnh nhằm mục đích giảng dạy, học tập và nghiên cứu và sẵn có cho người dân và các tổ chức được sử dụng tự do miễn phí.

Các yếu tố cấu thành OER gồm: nội dung học tập, các công cụ phần mềm và hệ thống các giấy phép và nguyên tắc triển khai OER.

Các yếu tố tác động đến sự phát triển của OER gồm: nhận thức và hiểu biết về OER, sử dụng – tạo lập – chia sẻ OER, bản quyền và giấy phép tài liệu, chính sách về OER, hạ tầng công nghệ, vai trò của lãnh đạo và cơ quan thông tin – thư viện.

### 1.1.3 Bản quyền và giấy phép tài liệu










tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).



Trong các yếu tố tác động đến sự phát triển của OER thì có lẽ yếu tố bản quyền và giấy phép tài liệu là vấn đề phức tạp nhất và ảnh hưởng trực tiếp đến OER. Hiện nay hệ thống cấp phép phổ biến là CC dành chung cho tất cả các loại tài liệu (tệp văn bản, âm thanh, hình ảnh, nghe nhìn), và là loại giấy phép tự liệu tự do – mở được sử dụng rộng rãi nhất. Trên thế giới có hệ thống giấy phép của (CC) được sử dụng phổ biến nhất. Giấy phép CC không phải là một văn bản có tính pháp lý. Thay vào đó nó đơn giản là giúp một tác giả quyết định phát tán tác phẩm của mình theo phạm vi mà mình cho phép và người sử dụng biết được mình sẽ sử dụng tác phẩm này ở mức độ nào. Điều này nhằm giúp người sử dụng tránh được những rắc rối liên quan đến vấn đề bản quyền.



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

Tên giấy phép	Biểu tượng và ký hiệu	Các quyền của người sử dụng
CC Zero	 CC0	Đây là giấy phép đặc biệt. Tất cả các quyền được trao cho bạn. Tác phẩm nằm trong phạm vi công cộng. Bạn được phép làm bất kỳ điều gì với tác phẩm đó.
CC - Ghi công	 CC BY	Bạn được phép chia sẻ (sao chép và phân phối lại tác phẩm trong bất kỳ phương tiện hay định dạng nào), tùy biến (pha trộn, biến đổi, và xây dựng dựa vào tác phẩm đó vì bất kỳ mục đích gì, kể cả thương mại hóa), miễn là bạn thừa nhận ghi công đúng cho (các) tác giả.
CC - Ghi công - Chia sẻ tương tự	 CC BY-SA	Bạn được phép chia sẻ, tùy biến, kể cả thương mại hóa, miễn là bạn thừa nhận ghi công đúng cho (các) tác giả, và tác phẩm phái sinh của bạn (nếu có) sẽ phải mang giấy phép giống như của tác phẩm gốc.
CC - Ghi công - Phi thương mại	 CC BY-NC	Bạn được phép chia sẻ, tùy biến nhưng không được phép sử dụng tác phẩm vào các mục đích thương mại, và bạn luôn phải thừa nhận ghi công đúng cho (các) tác giả khi sử dụng tác phẩm đó.
CC - Ghi công - Phi thương mại - Chia sẻ tương tự	 CC BY-NC-SA	Bạn được phép chia sẻ, tùy biến nhưng không được phép sử dụng tác phẩm vào các mục đích thương mại, tác phẩm phái sinh của bạn (nếu có) sẽ phải mang giấy phép giống như của tác phẩm gốc và bạn luôn phải thừa nhận ghi công đúng cho (các) tác giả khi sử dụng tác phẩm đó.
CC - Ghi công - Không có phái sinh	 CC BY-ND	Bạn được phép chia sẻ, dù cho các mục đích thương mại hay phi thương mại, nhưng bạn không được sửa đổi tác phẩm, và bạn luôn phải thừa nhận ghi công đúng cho (các) tác giả khi sử dụng tác phẩm đó.
CC - Ghi công - Phi thương mại - Không có phái sinh	 CC BY-NC-ND	Bạn được phép chia sẻ, nhưng không được sử dụng cho các mục đích thương mại, cũng không được sửa đổi tác phẩm, và bạn luôn phải thừa nhận ghi công đúng cho (các) tác giả khi sử dụng tác phẩm đó.



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

## 1.1.4 OER trong bối cảnh chuyển đổi số Quốc gia và CM 4.0

Trong cuối những thập niên 20 của thế kỷ XXI, trên thế giới xuất hiện thuật ngữ “chuyển đổi số” do sự tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 với những vấn đề của nền tảng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và INTERNET kết nối vạn vật. Nó đã trở thành một xu thế tất yếu của nhân loại trong thời đại mới và tất cả các quốc gia đều không thể nằm ngoài.

Có nhiều định nghĩa về “chuyển đổi số” theo những khía cạnh khác nhau. Theo Microsoft: “chuyển đổi số là một sự đổi mới kinh doanh được thúc đẩy bởi sự bùng nổ của đám mây, trí tuệ nhân tạo và INTERNET kết nối vạn vật, cung cấp những cách mới để hiểu, quản lý và chuyển đổi cho các hoạt động kinh doanh”.

Theo một cách hiểu đơn giản thì chuyển đổi số là sự tích hợp các công nghệ kỹ thuật số vào tất cả các lĩnh vực của một tổ chức, tận dụng các công nghệ để thay đổi căn bản cách thức vận hành, mô hình kinh doanh và cung cấp các giá trị mới cho khách hàng của doanh nghiệp đó cũng như tăng tốc các hoạt động kinh doanh.

Thuật ngữ “Chuyển đổi số” (Digital Transformation) có thể dễ bị nhầm lẫn với khái niệm “Số hóa” (Digitizing). Để phân biệt hai khái niệm này, có thể hiểu rằng “Số hóa” là quá trình hiện đại hóa, chuyển đổi các hệ thống thường sang hệ thống kỹ thuật số (chẳng hạn như chuyển từ tài liệu dạng giấy sang các file mềm trên máy tính, số hóa truyền hình chuyển từ phát sóng analog sang phát sóng kỹ thuật số...); trong khi đó, “Chuyển đổi số” là khai thác các dữ liệu có được từ quá trình số hóa, rồi áp dụng các công nghệ để phân tích, biến đổi các dữ liệu đó và tạo ra các giá trị mới hơn. Có thể xem “Số hóa” như một phần của quá trình “Chuyển đổi số”

Chuyển đổi số đã tác động đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đóng góp vào sự tăng trưởng GDP của mỗi quốc gia. Theo nghiên cứu của Mckensy đã dự đoán rằng vào năm 2025 thì mức độ tác động của chuyển



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

đổi số tới GDP của nước Mỹ là khoảng 25%, với Brazil là khoảng 35% và với các nước châu Âu là khoảng 36%. Như vậy có thể thấy được rằng mức độ tác động của chuyển đổi số tới sự phát triển của mỗi quốc gia là rất lớn.

Tại Việt Nam thì Đảng và Chính phủ cũng đã có những nhận thức đúng đắn về vấn đề chuyển đổi số quốc gia. Ngày 22/4, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 505/QĐ-TTg lấy ngày 10 tháng 10 hàng năm là ngày chuyển đổi số quốc gia. Trong lĩnh vực giáo dục thì chuyển đổi số cũng là một yêu cầu tất yếu của thời đại. Chuyển đổi số trong giáo dục được coi như là sự mở đường cho công cuộc hình thành một chính phủ số, xã hội số. Chuyển đổi số tạo ra sự chủ động trong học tập và giảng dạy, nâng cao được chất lượng giáo dục. Ngày 3/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 749/QĐ-TTg về phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Nội dung của chương trình đã chỉ rõ:

*“Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập cả hình thức trực tuyến và trực tiếp. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị bài của học sinh trước khi đến lớp.”*

Trong chuyển đổi số giáo dục thì học liệu mở hay có thể được biết đến là học liệu số được coi là nguyên liệu, nền tảng của công cuộc chuyển đổi số. Điều này được thể hiện trong thời điểm đất nước đối mặt với đại dịch Covid 19. Khi đó các trường học buộc phải đóng cửa để thực hiện giãn cách và chuyển sang đào tạo trực tuyến từ xa. Những học viên lúc này giương như không thể tiếp cận đến được những học liệu truyền thống của nhà trường và học liệu mở - học liệu số là một giải pháp không thể tuyệt vời hơn với các học viên. Điều này không chỉ ở trong lĩnh vực giáo dục mà còn thể hiện ở nhiều lĩnh vực khác với mô hình làm việc trực tuyến. Với chỉ với một thiết bị kết nối mạng thì các học viên, công nhân viên có thể truy cập, chia sẻ những thông tin, học liệu chất lượng cho học tập và làm việc.



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

Sau khi đại dịch Covid 19 được kiểm soát, các hoạt động sống dần trở lại bình thường nhưng học liệu mở không những không bị lãng quên mà ngày càng được phổ biến rộng rãi bởi những lợi ích mà nó đem lại. Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay thì học liệu mở đã khẳng định được vai trò quan trọng của mình. Nó trở thành một nguồn lực không thể thiếu để chuyển đổi số, là nguyên liệu đầu vào để tạo ra những công dân số, những trí thức số và xây dựng Chính phủ số, xã hội số.

CMCN 4.0 đã làm thay đổi nền giáo dục của hầu hết các quốc gia phát triển và đang phát triển trên thế giới, nó làm thay đổi cách thức xây dựng nguồn lực thông tin của các cơ giáo dục. Khi mà giờ đây ngoài môi trường vật lý thì xã hội đã xuất hiện một loại môi trường mới là một trường mạng hay còn gọi là không gian mạng. Trong môi trường mạng mọi người có thể kết nối và chia sẻ với nhau một cách đa chiều. Phần mềm quản trị dữ liệu có mã nguồn mở mới nhất hiện nay về kết nối và chia sẻ là phần mềm mã nguồn mở VUFIND do trường đại học Villanova phát minh năm 2010. Phần mềm này cho phép kết nối đến vô hạn các cơ sở dữ liệu và khai thác thông tin trên một giao diện duy nhất. Tuy nhiên phần mềm này hiện nay đã bộc lộ nhiều vấn đề và sự tương tác của người sử dụng và khá cứng nhắc khi chưa cho phép người dùng phản hồi và chỉnh sửa các tài liệu.

Trong tương lai khi ứng dụng các thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 thì rất có thể sẽ xuất hiện một phần mềm quản trị dữ liệu mới. Phần mềm đó sẽ cho phép người dùng khai thác vào cơ sở dữ liệu đồng thời sẽ cho phép người dùng tái cấu trúc lại, chỉnh sửa tài liệu sử dụng để tạo ra một sản phẩm của riêng mình rồi lại đính kèm vào tài liệu gốc ban đầu, người dùng tiếp theo khi truy cập vào sẽ thấy cả tài liệu gốc và tài liệu sau khi được chỉnh sửa. Người dùng mới có thể lại tiếp tục chỉnh sửa rồi lại đính kèm tài liệu của mình vào bản tài liệu sử dụng đó và các người dùng tiếp theo cứ tiếp tục như vậy. Từ đó sẽ tạo ra một hệ sinh thái thông tin tương tác đa chiều, các tài liệu đè lên nhau chằng chịt.

### **1.1.5 OER trong bối cảnh chuyển đổi giáo dục tại Việt Nam**

Từ cuối những năm 70 của thế kỷ trước với sự phát triển vũ bão của công nghệ đã dẫn đến những sự thay đổi của hệ thống giáo dục của mỗi quốc



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

gia. Ở Việt Nam tư tưởng giáo dục truyền thống với những khuôn mẫu cứng nhắc đã được hình thành và phát triển qua hàng nghìn năm lịch sử. Nhưng giờ đây trong bối cảnh của chuyển đổi số, cách mạng công nghiệp 4.0, bùng nổ thông tin toàn cầu thì phương thức giáo dục này đã dần trở nên không phù hợp với thời đại. Do đó mà sự chuyển đổi giáo dục của Việt Nam từ mô hình giáo dục truyền thống sang mô hình giáo dục tiên tiến, bắt kịp với xu hướng của thời đại là một điều tất yếu phải được diễn ra.

Giáo dục truyền thống của Việt Nam là giáo dục lấy người dạy làm trung tâm của giáo dục. Phương pháp giáo dục này đã có những thành công nhất định, thậm chí là rực rỡ trong suốt thời kỳ phong kiến ở Việt Nam. Nhưng bước sang thế kỷ XXI thì phương pháp giáo dục này đã xuất hiện nhiều bất cập. Giáo dục truyền thống coi người dạy là trung tâm do đó mà những kiến thức mà giảng viên cung cấp được coi là chuẩn, là chính xác. Điều này dẫn đến sự ỉ nại, phụ thuộc bị động của những học viên, làm giảm đi sự tự tin, sáng tạo của họ. Thực tế đã chứng minh rằng những kiến thức mà giảng viên truyền tải không phải luôn luôn đúng. Nhất là trong bối cảnh xã hội hiện nay, một xã hội mà sự thay đổi cực kỳ là nhanh chóng. Những kiến thức, kỹ năng mà giảng viên truyền tải tại thời điểm giảng dạy được coi là đúng nhưng trong thực thay đổi những kiến thức, kỹ năng đó lại không thể đáp ứng được nhu cầu thực tiễn.

Giáo dục tiên tiến hay giáo dục mở có thể được hiểu một cách đơn giản là nền giáo dục lấy người học làm trung tâm. Giảng viên giờ đây không còn đóng vai trò quyết định nữa mà chuyển sang vai trò của một người hướng dẫn học viên. Học viên giờ đây hoàn toàn chủ động trong việc học tập theo những hướng dẫn của giảng viên. Trong nền giáo dục mở thì học



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

viên cần phải chủ động nghiên cứu những vấn đề học tập và trao đổi những thắc mắc và vấn đề gặp phải trong quá trình nghiên cứu. Những cái kỹ năng mà người học viên cần phải rèn luyện trong mô hình giáo dục mở là kỹ năng tư duy phản biện hay còn gọi là tư duy độc lập, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng học tập suốt đời, ... Những kỹ năng này cùng với những kiến thức nghiên cứu của bản thân sẽ giúp học viên thích ứng được những biến đổi nhanh chóng của môi trường khi rời khỏi giảng đường.

Tóm lại trong bối cảnh hiện nay thì sự chuyển đổi giáo dục của Việt Nam từ mô hình giáo dục truyền thống sang mô hình giáo dục mở - giáo dục tiên tiến là một yêu cầu tất yếu. Và trong sự chuyển đổi này thì cần phải có nhân lực chuyển đổi và nguyên liệu để chuyển đổi. OER chính là cái nguyên liệu để thực hiện sự chuyển đổi giáo dục này. Bởi sự nghiên cứu học tập của học viên cần phải dựa trên các học liệu, các kiến thức, thông tin về vấn đề nghiên cứu trước đó. Khoa học có tính kế thừa, hầu như tất cả những nghiên cứu từ đơn giản đến phức tạp thì đều dựa trên các thông tin có được trước đó. OER còn giúp cho học viên rèn luyện các kỹ năng học tập suốt đời, kỹ năng tư duy độc lập...

Do đó có thể khẳng định rằng OER là nền tảng của sự chuyển đổi giáo dục. Nó là yếu tố quan trọng dẫn đến sự hình thành mô hình giáo dục tiên tiến – lấy người học làm trung tâm.

## **1.2. Tổ chức hoạt động thông tin trong một tổ chức**

### **1.2.1 Những yêu cầu khi tổ chức hoạt động thông tin**

Để khai thác và sử dụng thông tin có hiệu quả các cơ quan, đơn vị cần tổ chức thông tin theo các yêu cầu:



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

Tính phù hợp của thông tin. Do sự phức tạp và đa dạng của thông tin nên thông tin cần phải phù hợp với từng đối tượng sử dụng.

Tính chính xác. Thông tin là chất liệu để các nhà quản lý xem xét, phân tích và đưa ra các quyết định. Nên thông tin cần phải đảm bảo tính chính xác khách quan để tránh đưa ra những quyết định sai lầm gây hậu quả nghiêm trọng do sử dụng các thông tin thiếu chính xác.

Tính đầy đủ. Thông tin là chất liệu để đưa ra quyết định nên thông tin cần phải đầy đủ về một vấn đề nhằm tạo lập một cái nhìn toàn diện. Khi thông tin không đầy đủ về vấn đề sẽ dẫn đến những phán đoán non, quan điểm phiến diện, đưa ra những quyết định sai lầm.

## **1.2.2. Quy trình triển khai tổ chức hoạt động thông tin trong một tổ chức**

### **1.2.2.1 Quy trình thông tin**

Quy trình thông tin trong một đơn vị tổ chức gồm các bước sau:

Xác định nhu cầu thông tin. Đây là bước đầu tiên cũng là bước quan trọng nhất chi phối toàn bộ quy trình. Người thực hiện quy trình cần phải xác định đúng, đủ những thông tin mà tổ chức, đơn vị cần xoay quanh các vấn đề của tổ chức, đơn vị.

Tổ chức các nguồn thông tin. Sau khi xác định được nhu cầu thông tin của tổ chức thì cần tổ chức các nguồn thông tin một cách cụ thể bên trong và bên ngoài tổ chức. Nguồn bên trong tổ chức gồm thông tin chỉ đạo, thông tin phản hồi, thông tin từ cơ sở NCKH, kho lưu trữ, thư viện. Nguồn bên ngoài tổ chức gồm thông tin từ các tổ chức khác, thông tin từ các tổ chức truyền



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).



thông, thông tin từ đoàn đi công tác nước ngoài, thông tin từ dư luận xã hội ...

Thu thập thông tin. Ở bước này tổ chức cần xây dựng mô hình thu thập thông tin với 3 hình thức, nhằm xác định rõ trách nhiệm của các bộ phận chức năng và văn phòng. Thu thập thường xuyên được sử dụng cho nhu cầu đặc biệt như nghiên cứu, sự kiện liên quan đến tổ chức. Thu thập định kỳ sử dụng việc nghiên cứu định kỳ để ra các quyết định quản lý. Thu thập liên tục, sử dụng để thu thập thông tin rộng rãi phục vụ điều hành tổ chức.

Phân tích xử lý thông tin. Bước này đòi hỏi những kiến thức và kinh nghiệm của người quản trị để phân tích, tổng hợp đúng bản chất của sự việc và cung cấp cho lãnh đạo, quản lý. Trong khi phân tích xử lý thông tin cần đảm bảo yêu cầu: tính chính xác và hợp lý của tài liệu; kiểm tra hệ thống, chỉnh lý, tổng hợp, phân tích số liệu của tài liệu.

Cung cấp phổ biến thông tin. Thông tin sau khi được xử lý cần phải được cung cấp, phổ biến cho người sử dụng. Việc cung cấp phổ biến thông tin cần nhanh chóng, đúng thời điểm và đúng đối tượng.

Lưu trữ, bảo quản thông tin. Thông tin cần được lưu trữ và bảo quản để tạo thuận lợi cho sử dụng lâu dài. Trong bảo quản, lưu trữ thông tin cần đáp ứng hai yêu cầu sau: bảo quản, lưu trữ theo các phương pháp khoa học, thực hiện theo đúng yêu cầu của nghiệp vụ lưu trữ, bảo quản thông tin.

### **1.2.2.2 Hoàn thiện tổ chức hoạt động thông tin**



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

Sau khi thực hiện quy trình thông tin thì cần phải hoàn thiện tổ chức hoạt động thông tin gồm:

Thiết lập kênh thông tin rõ ràng để nhằm tránh quá tải thông tin và cung cấp phổ biến thông hiệu quả. Khi thiết lập cần đảm bảo các kênh thông tin tương ứng với các dòng thông tin trong tổ chức, cần phải trả lời được câu hỏi người nhận tin có cần thông tin này không.

Sử dụng nhiều kênh thông tin nhằm giúp lãnh đạo có thể giao nhiệm vụ trực tiếp đến những đối tượng khác nhau trong tổ chức đồng thời cũng tăng hiệu quả của công tác xử lý thông tin.

Tăng cường kênh thông tin phản hồi để nhằm nắm bắt được thông tin truyền đi có được thực hiện theo đúng yêu cầu không, từ đó tăng hiệu quả quản lý trong tổ chức.

Đảm bảo thông tin đúng lúc nhằm đưa ra những quyết định kịp thời, hiệu quả. Để đảm bảo thông tin đúng lúc thì cần lên lịch biểu rõ ràng và sắp xếp văn bản giấy tờ khoa học.

Sử dụng ngôn ngữ đơn giản, có ví dụ minh họa nhằm giúp người nhận thông tin dễ hiểu, dễ sử dụng.

Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin nhằm khai thác tối đa tiềm năng hoạt động của tổ chức. Khi đầu tư xây dựng cần đảm bảo nguyên tắc hệ thống, đồng bộ và hiệu quả của các trang thiết bị.

Đào tạo bồi dưỡng cán bộ, nhân viên nhằm hiệu quả hệ thống thông tin của tổ chức, giúp hoạt động của tổ chức được thông suốt. Đội ngũ cán bộ, nhân viên cần được đào tạo về các mặt sau: nghiệp vụ thu nhận, xử lý, lưu



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

trữ và truyền phát thông tin; sử dụng các phương tiện kỹ thuật và công nghệ thông tin; phương pháp đánh giá hiệu quả của hoạt động thông tin; thực hiện kiểm tra, giám sát, đôn đốc hoạt động thông tin

### **1.3. Xây dựng kế hoạch, kế hoạch hành động**

#### **1.3.1 Xây dựng kế hoạch**

##### **1.3.1.1 Khái niệm**

Theo Wikipedia: Kế hoạch là một tập hợp những hoạt động, công việc được sắp xếp theo trình tự nhất định để đạt được mục tiêu đã đề ra, ý định đã trù liệu trước.

Theo Harold Koonts, Cyril Odonnell, Heinz Weihrich thì lập kế hoạch là quyết định xem phải làm cái gì, làm như thế nào, khi nào làm và ai làm cái đó

Có nhiều khái niệm về kế hoạch xong chúng ta có thể hiểu một cách chung là: Kế hoạch là tập hợp chuỗi các hành động được thực hiện theo lịch trình, thời gian cụ thể nhằm hướng tới những mục tiêu của tổ chức

##### **1.3.1.2 Các bước xây dựng kế hoạch**

Xác định mục tiêu, đây là bước đầu tiên và cũng là quan trọng nhất trong lập một kế hoạch. Bước này người lập kế hoạch cần phải xác định rõ mục tiêu chung hay còn gọi là mục tiêu chiến lược của kế hoạch. Sau đó từ mục tiêu chung người lập kế hoạch sẽ đề ra các mục tiêu cụ thể của bản kế hoạch.

Phân tích thực trạng, đây là bước phân tích các yếu tố của tổ chức để đánh giá tính khả thi của kế hoạch. Người lập kế hoạch cần phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của tổ chức qua phân tích chi tiết từng yếu tố nguồn lực một cách chính xác và chi tiết

Đề xuất giải pháp, lập kế hoạch chi tiết các công việc cần phải làm để hướng tới mục tiêu. Đây là bước sau cùng, người lập kế hoạch sẽ đưa ra các giải pháp dựa trên các phân tích thực trạng để đạt được mục tiêu được đề ra.



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

### 1.3.2 Kế hoạch hành động

Kế hoạch hành động có thể được hiểu đơn giản là một kế hoạch chi tiết, cụ thể sắp được triển khai. Kế hoạch hành động sẽ vạch ra lộ trình đi cho tổ chức hướng tới mục tiêu được đề ra. Chỉ khi có kế hoạch hành động bạn sẽ biết cách lên kế hoạch và sắp xếp các công việc cần thực hiện theo một trình tự thời gian hợp lý, biết ưu tiên công việc nào thực hiện trước để đạt hiệu quả cao. Đồng thời nếu muốn điều chỉnh lịch trình kế hoạch thì bạn cũng có thể hoàn thành chúng một cách dễ dàng nhất.

### 1.4. Kiểm soát hiệu quả kế hoạch thực hiện dự án với sơ đồ mạng PERT

Sơ đồ PERT là biểu đồ được sử dụng để xây dựng kế hoạch và kiểm soát các nhiệm vụ trong một dự án. Sơ đồ này bao gồm các yếu tố như chi phí, thời gian, nguồn lực cần thiết,... Thông qua mạng lưới sơ đồ này, cho dù là lãnh đạo hay nhân viên cũng sẽ nắm rõ được quy trình triển khai và xác định các rắc rối tiềm ẩn để có thể đưa ra các giải pháp kịp thời.

Sơ đồ PERT biểu diễn các hoạt động trong dự án dưới dạng các đường thẳng (gọi là nhiệm vụ) được kết nối với nhau bởi các mũi tên (gọi là sự phụ thuộc giữa các nhiệm vụ). Một số thông tin có thể liên kết với mỗi nhiệm vụ, chẳng hạn như thời gian hoàn thành dự kiến và thời gian bắt đầu dự kiến.

Sơ đồ PERT thích hợp với các dự án lớn chứa nhiều công việc, được sử dụng khi nhà quản trị dự án cần: xác định tiến trình quan trọng của dự án, biểu diễn rõ ràng về sự phụ thuộc lẫn nhau của các nhiệm vụ trong dự án, xác định khoảng thời gian dự kiến để hoàn thành dự án. Bằng việc áp dụng hiệu quả sơ đồ PERT các nhà quản trị tổ chức có thể dễ dàng kiểm soát và theo dõi quá trình thực hiện công việc một cách chặt chẽ và hiệu quả hơn. Khi sử dụng sơ đồ PERT thì cần



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

quan tâm đến 4 yếu tố chủ chốt là sự kiện, công việc, thời gian dự trữ và đường Gantt.

Các bước xây dựng sơ đồ PERT trong quản lý dự án:

Bước 1: Liệt kê và lên danh sách những công việc chủ yếu cần thực hiện để hoàn thành dự án. Mỗi công việc sẽ là một sơ đồ mạng nhỏ khác, có thể bao gồm những công việc nhỏ hơn (có nghĩa là một mạng lớn có thể tập hợp nhiều sơ đồ mạng nhỏ nếu dự án đó có tính phức tạp cao).

Bước 2: Thiết lập thứ tự các công việc cần thực hiện.

Bước 3: Bắt đầu vẽ biểu đồ thực của các công việc từ khởi đầu cho đến khi kết thúc theo mối quan hệ của chúng với nhau.

Bước 4: Tính toán thời gian thực hiện cho mỗi công việc

Bước 5: Xác định đường Gaintt

- + Điều kiện cần và đủ của đường găng đi qua các sự kiện găng và dài nhất.
- + Xác định các sự kiện găng khi có dự trữ bằng 0
- + Theo dõi các đường đi qua sự kiện găng sau đó tìm đường dài nhất.

## **CHƯƠNG 2: OER TẠI THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI**

### **2.1. Thực trạng OER tại thư viện**

Trường Đại học Văn Hóa Hà Nội được thành lập vào ngày 26/3/1959. Trải qua hơn 60 năm phát triển trường đã đào tạo ra hàng ngàn cán bộ có trình độ chuyên môn cao về lĩnh vực Văn hóa và trở thành ngôi trường top đầu cả nước về lĩnh vực Văn hóa – trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Để có được thành quả đó thì không thể không nói đến vai trò của Trung tâm thông tin – thư viện nhà trường



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

là cây cầu đến với tri thức thúc đẩy sự học tập và nghiên cứu của sinh viên, cán bộ nhà trường.

Theo quyết định thành lập số 1412 QĐ/VHTT ngày 22 tháng 7 năm 1998 của Bộ Văn hoá- Thông tin, Thư viện trường đã tách khỏi phòng Khoa học, trở thành Trung tâm thông tin, thư viện, đánh dấu sự trưởng thành và mở ra khả năng phát triển của thư viện, phục vụ cho sự nghiệp đào tạo của Nhà trường.

OER đã xuất hiện và phát triển từ những năm 70 của thế kỷ trước nhưng phải đến những năm 20 của thế kỷ XXI thì OER bắt đầu được đề cập và phát triển ở các trường Đại học tại Việt Nam. Trường Đại học Văn hóa Hà Nội là một trường top đầu trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao, Du lịch nhưng vẫn theo kịp được sự phát triển chung của thế giới. Trong thư viện của Trường thì thuật ngữ OER vẫn còn rất mới lạ và rất ít người biết đến. Do đó mà nguồn OER trong thư viện Trường gần như không có.

Chính vì OER xa lạ với thư viện nên các yếu tố của việc thu thập OER ít được đầu tư. Chính sách thu thập tài liệu của thư viện hiện nay vẫn chưa đề cập đến OER mà chủ yếu vẫn ở các tài liệu đóng có bản quyền. Nhân lực thực hiện công tác thu thập, bổ sung tài liệu của thư viện còn nhiều hạn chế về OER nên chưa có được các phương pháp thu thập OER một cách khoa học, hiệu quả.

Xử lý, tổ chức thông tin là yếu tố quan trọng trong quy trình thông tin. Nhân lực thực hiện xử lý, tổ chức thông tin của thư viện được đào tạo chính quy, có trình độ chuyên môn cao. Phương tiện, kỹ thuật phục vụ công tác xử lý, tổ chức thông tin của thư viện vẫn còn nhiều hạn chế, lạc hậu so với thế giới. Thư viện hiện nay chủ yếu vẫn sử dụng chuẩn mô tả AACR2 và khổ mẫu MARC21 cho tất các tài liệu. OER hiện nay chủ yếu được phát triển theo dạng tài liệu số phức tạp và đa



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

dạng. Việc sử dụng chuẩn mô tả AACR2 không thích hợp với OER và sẽ gây khó khăn trong xử lý và tổ chức.

Việc phổ biến OER ở thư viện còn rất hạn chế nếu không muốn nói là không có. Các tài liệu được phổ biến tới người dùng hầu hết là các tài liệu đóng có bản quyền. Những tài liệu có giá trị học thuật cao như các bài nghiên cứu khoa học, luận văn, luận án không được tiếp cận đến sinh viên.

## 2.2. Phân tích SWOT về phát triển OER cho thư viện

### 2.2.1 Cán bộ thông tin - thư viện

- **Strengths và Opportunities:** điểm mạnh và cơ hội

Cán bộ thông tin-thư viện là những cán bộ được đào tạo chính quy về thư viện, có trình độ chuyên môn cao và nhiệm năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thư viện, được thường xuyên bồi dưỡng – đào tạo. Chính vì thế mà cán bộ thông tin – thư viện có thể thực hiện quy trình thông tin gồm xác định nhu cầu OER của người dùng tin thư viện, thu thập OER, xử lý và tổ chức OER, phổ biến OER đến người dùng tin thư viện, lưu trữ và bảo quản OER một cách hiệu quả.

- **Weaknesses và Threats:** điểm yếu và thách thức

Cán bộ thông tin-thư viện phần lớn là những cán bộ trung tuổi, khó khăn trong việc cập nhật xu hướng thư viện trên thế giới dẫn đến những nhận thức chưa đúng đắn về OER. Do những nhận thức chưa đúng đắn về OER dẫn đến sự những khó khăn trong quá trình thu thập, xử lý, tổ chức, phổ biến, lưu trữ OER.

### 2.2.2 Phương tiện - kỹ thuật của thư viện



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

- **Strengths và Opportunities:** điểm mạnh và cơ hội

Thư viện được trang bị cơ bản các thiết bị, phương tiện phục vụ cho việc quản trị thư viện. Điều này giúp việc triển khai quy trình thu thập, xử lý, tổ chức, phổ biến và lưu trữ OER một cách dễ dàng.

- **Weaknesses và Threats:** điểm yếu và thách thức

Thư viện tuy được trang bị cơ bản đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện nhưng một số các trang thiết bị, kỹ thuật không còn phù hợp. Có thể nói đến như việc sử dụng chuẩn mô tả AACR2 và phần mềm quản trị tài liệu số Dspace. Các chuẩn và phần mềm này phù hợp cho lưu trữ các tài liệu nội sinh của trường và thư viện nhưng lại không tương thích với OER

### 2.3. Kết luận về thực hiện phát triển OER cho thư viện

Qua tìm hiểu thực trạng và phân tích SWOT thư viện thì có thể thấy được rằng thư viện nên và cần thiết phải xây dựng, phát triển OER. Bởi trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, chuyển đổi giáo dục, sự bùng nổ thông tin toàn cầu, cuộc CMCN 4.0 và xã hội thông tin thì OER là một điều tất yếu phải diễn ra. Nó sẽ tạo ra sự thay đổi tích cực trong công tác giảng dạy, đào tạo của nhà trường cũng như sự phát triển của thư viện.

### 2.4. Kế hoạch hoạt động nhằm phát triển nguồn tài nguyên giáo dục mở cho thư viện

Với sự phát triển không ngừng và những yêu cầu khách quan của thực tiễn Trường Đại học Văn hóa Hà Nội đã xây dựng một thư viện mới hứa hẹn sẽ là một thư viện hiện đại, chất lượng cao phục vụ sinh viên và cán bộ nhà trường trong



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).



giảng dạy và nghiên cứu. Để xây dựng và phát triển OER cho thư viện mới của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội thì tôi xin đề xuất kế hoạch hoạt động sau:

- **Mục tiêu của kế hoạch:**

- Mục tiêu chung: phát triển OER cho Thư viện Trường Đại học Văn hóa Hà Nội
- Mục tiêu cụ thể:
  - + Tạo lập các cơ sở dữ liệu OER đa dạng và phong phú theo 19 ngành đào tạo của Trường Đại học Văn hóa Hà Nội
  - + Nâng cao trình độ hiểu biết của sinh viên và cán bộ nhà Trường về OER
  - + Tất cả sinh viên, cán bộ nhà Trường đều có thể khai thác hiệu quả OER của thư viện

- **Các công việc của kế hoạch gồm:**

**A:** Đào tạo cán bộ, nhân viên thư viện về OER để thay đổi nhận thức của cán bộ, nhân viên thư viện giúp tạo một cái nhìn đúng đắn và khách quan về OER đồng thời thấy được tính tất yếu của OER trong bối cảnh chuyển đổi số Quốc gia và CMCN 4.0.

**B:** Đào tạo người dùng tin thư viện về khai thác OER của thư viện để người dùng tin thư viện có thể sử dụng OER một cách hiệu quả.

Trang bị hạ tầng ICT để quản trị OER gồm:

**C:** Hạ tầng máy tính:

Phổ biến hiện nay đều vận hành theo mô hình Client- Sever, tức là mô hình Khách-chủ gồm hai loại máy trạm và máy chủ:



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

+ Với máy trạm: thì thư viện mới sẽ cần khoảng 20 máy trạm với cấu hình cơ bản để vận hành hệ thống.

+ Với máy chủ: dù nhà trường có tới 3 máy chủ nhưng các máy chủ này đã và đang phục vụ cho các hoạt động khác của nhà trường, nếu dùng các máy chủ này vào hoạt động quản trị OER của thư viện thì sẽ gây quá tải các máy chủ này và độ trễ xử lý lớn. Nếu đầu tư máy chủ mới thì sẽ rất tốn kém mà để chưa chắc hoạt động ổn định. Ngày nay xu hướng trên thế giới và trong nước là thuê sử dụng máy chủ từ bên ngoài, vừa có thể giảm chi phí khi không phải đầu tư máy chủ mà sự hoạt động của các máy chủ chuyên dụng này thường rất ổn định. Do đó tôi xin đề xuất nhà trường nên thuê sử dụng máy chủ từ bên ngoài.

Máy chủ được thuê từ Công ty Cổ phần giải pháp mạng trực tuyến Việt Nam, có trụ sở Hà Nội tại số 451 Vũ Tông Phan, Thanh Xuân, Hà Nội

**D: Hệ thống mạng:**

Thư viện mới sẽ cần thiết lập các đường truyền tín hiệu mạng và các thiết bị mạng như Switch, Router, ...

**E: Hệ thống phần mềm:**

Để quản trị OER một cách hiệu quả thì cần sử dụng phần mềm tìm kiếm tập trung để kết nối nhiều cơ sở dữ liệu với nhau nhằm giúp Thư viện xây dựng được nguồn OER phong phú và người dùng tin có thể khai thác được tối đa OER của thư viện. Phần mềm tìm kiếm tập trung cũng có nhiều nguồn cung cấp như Primo được cung cấp bởi tập đoàn Ex Libris của Isarel thông qua nhà phân phối tại Việt Nam: Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại và thông tin kỹ thuật (TED), giải pháp này bao gồm các phân hệ Primo Central Index: Phân hệ dịch vụ chỉ mục tập trung tích hợp các nguồn tài



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

nguyên thông tin điện tử, in ấn được cung cấp bởi các thư viện. Tuy nhiên phần mềm này có giá thành rất cao so với khả năng tài chính của trường. Do đó trong kế hoạch này tôi xin đề xuất sử dụng phần mềm mã nguồn mở Vufind được phát triển bởi trường đại học Villanova năm 2010 tại Hoa Kỳ cho phép người dùng tìm kiếm các nguồn tài liệu trên một giao diện duy nhất và vượt trội hơn nhiều lần giao diện cổ điển Opac. Các cán bộ thư viện của trường có trình độ chuyên môn cao về lĩnh vực thông tin thư viện và công nghệ thông tin nên hoàn toàn có thể ứng dụng được phần mềm mã nguồn mở Vufind của trường đại học Villanova – Hoa Kỳ.

**F:** Thu thập OER từ sinh viên, cán bộ nhà trường, các tổ chức giáo dục trên thế giới về lĩnh vực văn hóa – nghệ thuật, vì đối tượng phục vụ chính của thư viện là sinh viên, cán bộ trong Trường.

**G:** Xử lý, tổ chức, phổ biến OER tới sinh viên, cán bộ nhà trường qua phần mềm mã nguồn mở Vufind. Trong xử lý, tổ chức và phổ biến OER thì cần sử dụng chuẩn mô tả tài nguyên RDA và khổ mẫu biên mục Dublin Core để tương thích với OER và phù hợp với xu thế phát triển của thế giới.



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

Hoạt động	Thời gian (tuần)				
	Lạc quan (a)	Hợp lý (m)	Bi quan (b)	Kỳ vọng $t = \frac{a+4m+b}{6}$	Thỏa hiệp (t')
A	5	6	7	6	4
B	4	5	6	5	3
C	2	4	6	4	1
D	3	5	7	5	2
E	6	7	8	7	6
F	2	4	6	4	1
G	4	5	6	5	3

Hoạt động	Chi phí (Triệu VNĐ)	
	Kỳ vọng (c)	Thỏa hiệp (c')
A	50	70
B	30	40
C	320	401
D	60	81
E	20	30
F	10	16
G	50	70



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

## **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN OER CHO THƯ VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA HÀ NỘI**

### **3.1. Giải pháp định tính**

#### **3.1.1 Giải pháp nhân lực**

Trong lĩnh vực thông tin thư viện thì yếu tố nhân lực luôn là yếu tố chủ chốt – quyết định nhưng nhân lực của thư viện hiện nay chưa có đầy đủ hiểu biết về OER. Do đó cần phải nâng cao trình độ của cán bộ, nhân viên và người dùng tin của thư viện về OER thông qua các khóa đào tạo, bồi dưỡng. Đồng thời Thư viện cũng cần tổ chức các sự kiện truyền thông về OER đến người dùng tin của thư viện và các cấp lãnh đạo của Nhà trường để người dùng tin, cán bộ có những hiểu biết đúng đắn về OER và thấy được tính tất yếu phát triển của OER.

#### **3.1.2 Giải pháp chính sách phát triển OER**

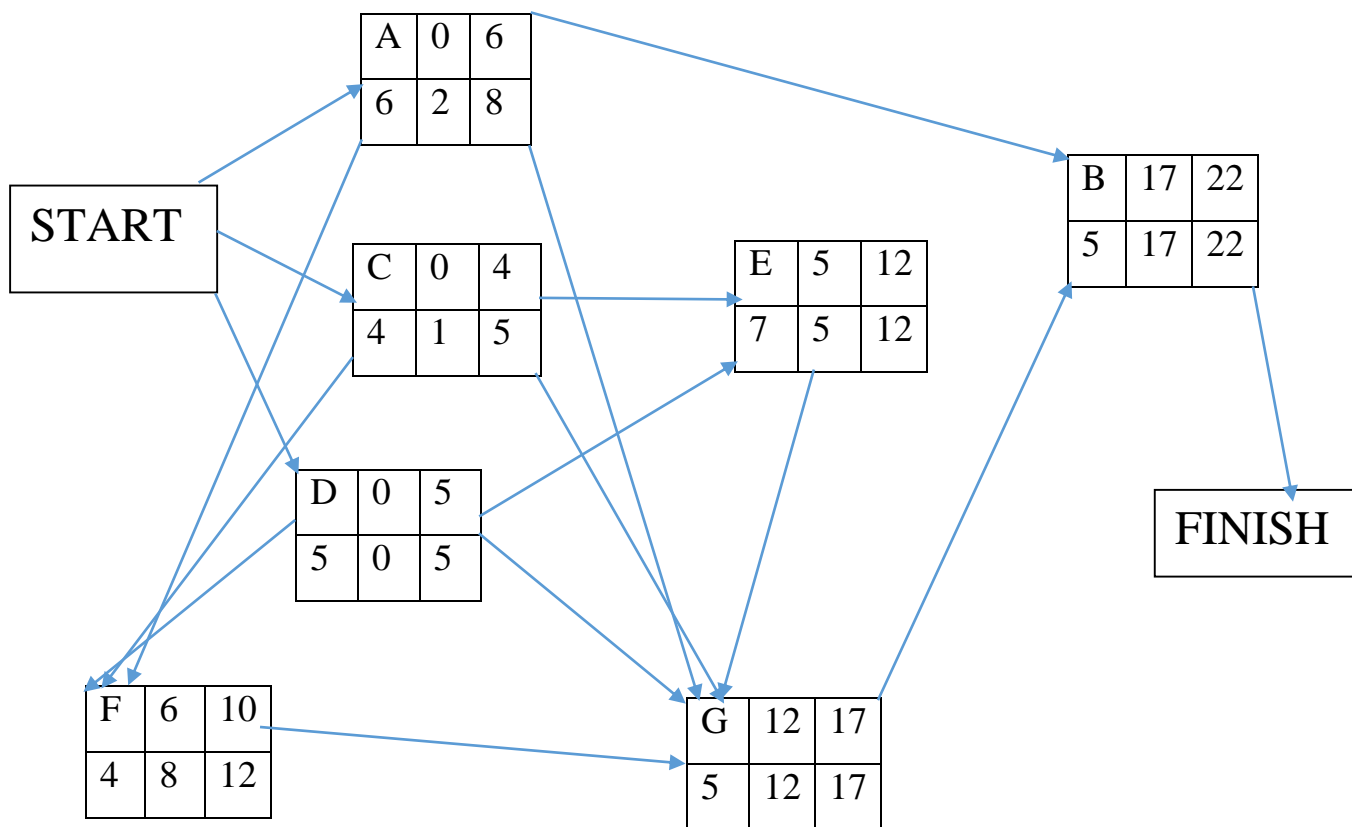
OER hiện đã du nhập và phát triển tại Việt Nam, Đảng và Chính phủ đã có những văn bản, chủ trương để phát triển OER. Trường Đại học Văn hóa Hà Nội cần nắm bắt được những chủ trương, đường lối của Đảng và Chính phủ về OER để từ đó đề ra được những chính sách phù hợp, tạo ra sự thúc đẩy phát triển OER tại Thư viện Trường



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

## 3.2. Giải pháp định lượng

### 3.2.1 Sơ đồ PERT cho thực hiện kế hoạch



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

### 3.2.2 Đường Gantt với thời gian dự kiến tối thiểu để hoàn thành kế hoạch

Hoạt động	ES	LS	EF	LF	Thời gian dự trữ (tuần) =LS-ES=LF-EF	Điểm Gantt
A	0	2	6	8	2	
B	17	17	22	22	0	Có
C	0	1	4	5	1	
D	0	0	5	5	0	Có
E	5	5	12	12	0	Có
F	6	8	10	12	2	
G	10	10	15	15	0	Có



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

Vậy đường Gantt của kế hoạch là đường D-E-G-B với thời gian tối thiểu để hoàn thành là 22 tuần

### 3.2.3 Khuyến cáo các phương án đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch tương ứng với chi phí kèm theo

Với 22 tuần để thực hiện kế hoạch phát triển OER cho thư viện là tương đối dài. Do đó ta nên đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch xuống còn 20 tuần.

Hoạt động	M (mức rút giảm thời gian tối đa có thể của hoạt động theo thỏa hiệp)= $t - t'$	K (Mức chi phí thỏa hiệp trên một đơn vị thời gian thỏa hiệp của hoạt động)= $(c' - c)/M$
A	2	10
B	2	5
C	3	27
D	3	7
E	1	10
F	3	2
G	2	10



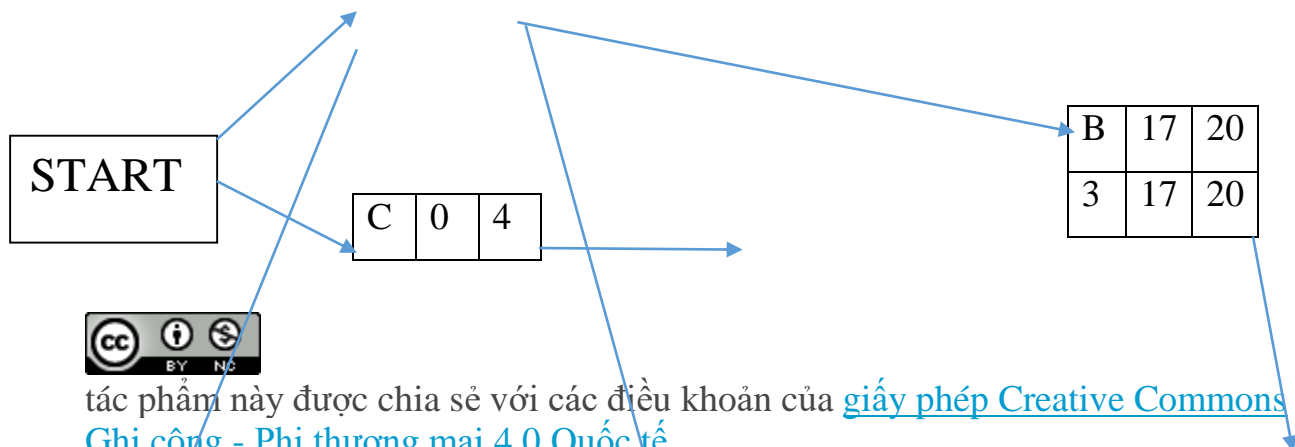
tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

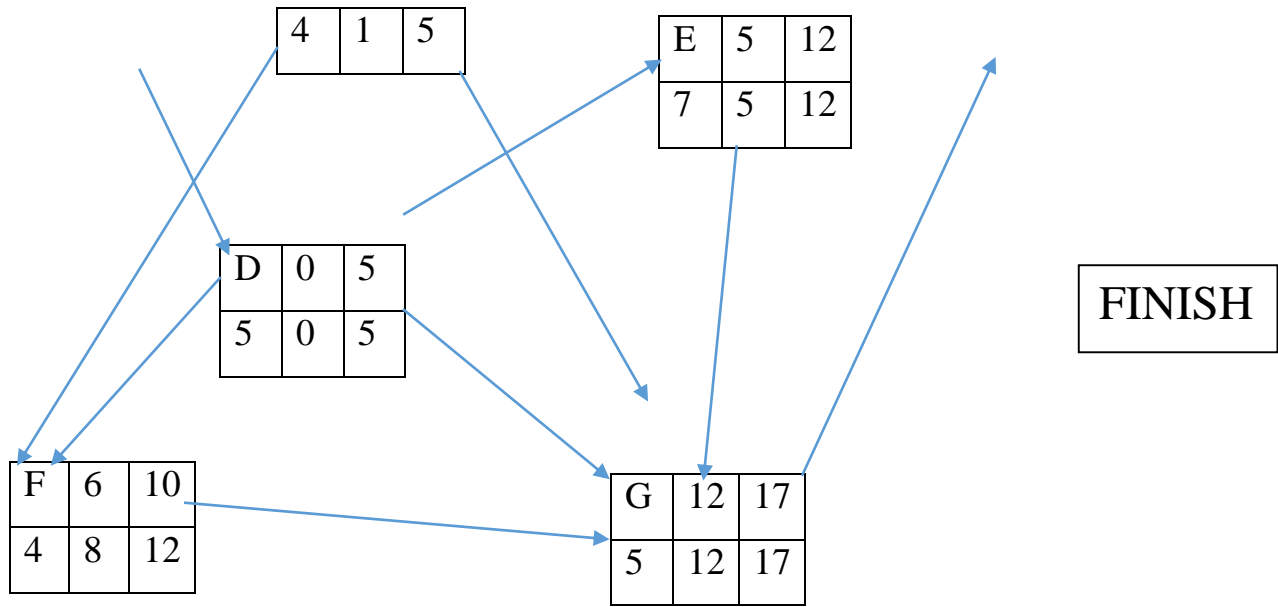


Nên giảm 2 tuần ở hoạt động B vì hoạt động B có mức chi phí thấp nhất khi thỏa hiệp, có thời gian sau khi thỏa hiệp của hoạt động B=5-2=3 (tuần).

Như vậy ta sẽ có sơ đồ PERT sau khi thỏa hiệp hoạt động B như sau:

A	0	6
6	2	8





Ta có bảng sau:

Hoạt động	ES	LS	EF	LF	Thời gian dự trữ (tuần) =LS-ES=LF-EF	Điểm Gantt
A	0	2	6	8	2	
B	17	17	20	20	0	Có
C	0	1	4	5	1	
D	0	0	5	5	0	Có
E	5	5	12	12	0	Có



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

F	6	8	10	12	2	
G	10	10	15	15	0	Có

Như vậy sau khi thỏa hiệp hoạt động B xuống còn 3 tuần thì đường Gantt của kế hoạch vẫn là đường D-E-G-B với thời gian tối thiểu để hoàn kế hoạch là 20 tuần thỏa mãn yêu cầu thỏa hiệp của kế hoạch.

Chi phí để hoàn thành kế hoạch theo thời gian thỏa hiệp trong 20 tuần là:

Tổng chi phí=  $(50+30+320+60+20+10+50) + 2*5=550$  (triệu VNĐ)

Vậy chi phí để hoàn thành kế hoạch trong 20 tuần là 550 triệu VNĐ

## KẾT LUẬN

### Kết luận 1: Tóm tắt nội dung kế hoạch

Trong bối cảnh chuyển đổi số Quốc gia, chuyển đổi giáo dục và CMCN 4.0 thì OER là xu hướng phát triển trong hệ thống giáo dục trên thế giới hiện nay. Trong tương lai, hệ thống các học liệu mở sẽ phát huy trong hỗ trợ tài nguyên phục vụ dạy và học, đặc biệt trong giáo dục đại học. OER sẽ trợ giúp cho giáo viên phát huy tốt năng lực của bản thân, đồng thời tác động tích cực đến việc dạy học và mang lại hiệu quả giáo dục cao. Chính vì vậy, các tổ chức giáo dục, các trường đại học cần có những chiến lược để xây dựng và phát triển tài nguyên giáo dục theo hướng mở, qua đó nâng cao hiệu quả và chất lượng của giáo dục cũng như hội



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

nhập vào sự phát triển nền giáo dục thế giới. Trong bản kế hoạch, tác giả đã đề xuất một vài giải pháp xây dựng và phát triển OER cho Trung tâm thông tin-thư viện Trường Đại học Văn hóa Hà Nội. OER ra đời sẽ giải quyết vấn đề căn bản hiện nay cho Nhà trường đó là giải quyết được sự thiếu tài nguyên, thiếu thông tin đồng nhất và bất cập trong khai thác tài nguyên số.

Bản kế hoạch sẽ khả thi và đạt được mục tiêu nếu được đáp ứng các điều kiện cần và đủ đã nêu ra, do đó mong bản kế hoạch được phê duyệt vào sớm đưa vào thực hiện hoạt động của Thư viện Trường Đại học Văn Hóa Hà Nội trở nên thực sự hiệu quả trong thời đại xã hội thông tin, chuyển đổi số Quốc gia, chuyển đổi giáo dục và CMCN 4.0 như hiện nay.

## **Kết luận 2: Khuyến nghị mở rộng**

Bản kế hoạch hoàn có thể áp dụng cho thư viện có Trường Đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội. Từ đó sẽ hình thành một hệ sinh thái OER kết nối đến các Trường Đại học và nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng năng lực một cách hiệu quả.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (2015), Hội thảo quốc tế về xây dựng nền tảng học liệu mở cho giáo dục Việt Nam  
<https://vjol.info.vn/index.php/VJIAD/article/view/25297/21617>
2. Trương Minh Hòa (2016), *Học liệu mở và vai trò của học liệu mở trong đào tạo ngành học thông tin-thư viện tại các trường đại học ở Việt Nam*, Tạp chí Thông tin và Tư liệu  
<https://vjol.info.vn/index.php/VJIAD/article/view/25791/22058>



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

3. Nguyễn Huy Chương (2011), *Học liệu mở và hướng phát triển tài nguyên số tại các thư viện đại học Việt Nam*
4. Đỗ Văn Hùng (2015), *Tổng quan về học liệu mở và nhận dạng các yếu tố tác động đến việc xây dựng và chia sẻ học liệu mở trong các trường đại học Việt Nam*
5. Trương Bảo Đức (2018), *Việc sử dụng học liệu mở trong học tập và nghiên cứu của sinh viên trường Đại học Hà Nội*
6. Lê Trung Nghĩa (2022), *Phân biệt tài nguyên giáo dục mở và kiến thức khoa học mở nằm trong phạm vi cộng đồng và hoặc được cấp phép mở để khai thác chúng hiệu quả trong việc dạy, học và nghiên cứu*  
<https://giaoducmo.avnuc.vn/bai-viet-toan-van/phan-biet-tai-nguyen-giao-duc-mo-va-kien-thuc-khoa-hoc-mo-nam-trong-pham-vi-cong-cong-va-hoac-duoc-cap-phep-mo-de-khai-thac-chung-hieu-qua-trong-viec-day-hoc-va-nghien-cuu-828.html>
7. Lâm Hoàng My (2021), *Nhu cầu sử dụng nguồn tài liệu tại trường Đại học kinh tế - Đại học Huế, Đặng Xuân Chí, Trần Thị Thanh Tâm*
8. Nguyễn Minh Trí (2019), *Xây dựng nguồn học liệu mở - thực trạng và giải pháp đối với trường đại học Việt Nam, Trần Tân Anh Phương*
9. Lê Trung Nghĩa (2016), *Tổng quan về tài nguyên giáo dục mở và dự đoán một kịch bản tương lai của giáo dục Việt Nam*
10. Tạ Thị Thu Đông (2019), *Lợi ích mở - lợi ích đa phương trong giáo dục mở và tài nguyên giáo dục mở*
11. Creative Commons. (2015). About the licenses.  
<http://creativecommons.org/licenses>
12. Baturay, M. H. (2015), *An overview of the world of MOOCs. Procedia-Social and Behavioral Sciences. 174, pp. 427-433*



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).

13. Butcher, N. and Kanwar, A. (2015). *A basic guide to open educational resources (OER)*. Paris: UNESCO and Commonwealth of Learning
14. ClassroomAid. (2015). *OER mobile course - free learning in summer*  
<http://classroom-aid.com/2013/05/31/free-oermobile-course-free-learning-in-summer>
15. OECD (2007), *Giving Knowledge for Free: the Emergence of Open Educational Resources*  
<http://www.oecd.org/edu/ceri/38654317.pdf>
16. UNESCO. (2015). *What are Open Educational Resources (OERs)?*  
<http://www.unesco.org/new/en/communication-and-information/access-to-knowledge/open-educationalresources/what-are-open-educational-resources-oers>
17. Santally, M. I. (nd.) *OERs in Context – Case Study of Innovation and Sustainability of Educational Practices at the University of Mauritius*.  
<http://www.eurodl.org/?p=current&article=419>
18. Stange, M. (2015). *Open educational resources aid in global learning. Behind The Scenes Technology Blog*.  
<http://btstwm.blogspot.com/2015/02/open-educational-resources-aid-in.html>.



tác phẩm này được chia sẻ với các điều khoản của [giấy phép Creative Commons Ghi công - Phi thương mại 4.0 Quốc tế](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/).